TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-7-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhặc
2. Ông Phạm Văn Nam

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Võ Hoàng K**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ T,** sinh năm 2001. Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai anh Võ Hoàng K trình bày:

Anh K và chị T quen biết và tự nguyên tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2020. Trong thời gian chung sống thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đến nay hơn một năm. Nay

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Có một con chung là Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/2009. Sau khi ly hôn anh K đồng ý giao con chung là Võ Thị Mỹ H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại tự bản khai chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Chị T trình bày thống nhất với lời trình bày của anh K về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: Có một con chung là Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/2009. Sau khi ly hôn chị T đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Võ Thị Mỹ H, đồng ý anh K cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hoàng K, cụ thể: Anh Võ Hoàng K được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T. Về con chung: Sau khi ly hôn chị T được quyền trực tiếp nuôi con chung là Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/2009, anh K cấp dưỡng nuôi con chung với với mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Võ Hoàng K đối với chị Nguyễn Thị Mỹ T thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Mỹ T có nơi cư trú tại xã Đ, huyện M, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Anh Võ Hoàng K và chị Nguyễn Thị Mỹ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị T theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Võ Hoàng K và chị Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Anh K cho rằng hôn nhân giữa anh và chị T không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị T. Anh K và chị T trình bày thống nhất, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị mạnh ai nấy sống, không thể hàn gắn tình cảm được. Quá trình Tòa án giải quyết thì chị T có văn bản trình bày ý kiến, thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của anh K và đồng ý ly hôn với anh K. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị T đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K đối với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Anh K và chị T thống nhất trong thời gian chung sống, anh chị có một con chung là Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/2009. Anh K và chị T thống nhất sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Võ Thị Mỹ H, anh K cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K, giao con chung là Võ Thị Mỹ H cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K và chị T cùng trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Anh K là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh K chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hoàng K, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Anh Võ Hoàng K được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ T.

2. Về con chung: Giao con chung là Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 26/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Võ Hoàng K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/7/2023).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, anh Võ Hoàng K, chị Nguyễn Thị Mỹ T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh Võ Hoàng K, chị Nguyễn Thị Mỹ T có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Võ Hoàng K và chị Nguyễn Thị Mỹ T thống nhất không có tài sản chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Võ Hoàng K, chị Nguyễn Thị Mỹ T thống nhất không có nợ chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí:

Anh Võ Hoàng K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0004819 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Anh Võ Hoàng K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Định Thủy (1b) ;
- Lưu HS, VP (2b) TC:8b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**